TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Hùng

2. Ông Phạm Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 121/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quan Thị L**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn BL, xã PS, huyện CH, tỉnh TQ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn NP, xã MP, huyện CH, tỉnh TQ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Quan Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quan Thị L và anh Nguyễn Đức T được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán; anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện CH theo quy định của pháp luật vào ngày 22/9/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị làm ăn, sinh sống tại thôn NP, xã MQ, huyện CH,

tỉnh TQ. Chị Linh, anh T chung sống được khoảng 01 tháng thì chị L đi làm công nhân tại tỉnh HD, không chung sống với anh T. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng 06 tháng sau khi kết hôn mâu thuẫn nảy sinh. Khi mâu thuẫn xảy ra thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Tháng 5 năm 2018 thì anh T bỏ đi TN làm ăn, chị L vẫn làm công nhân tại tỉnh HD nên chị L, anh T sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đối với anh T không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm để quay về chung sống với nhau được nữa. Chị L xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Không có.

Ngoài ra chị Quan Thị L còn xác định chị có một con riêng là Quan Nhật BN, sinh ngày 18/10/2015. Do cháu N là con riêng của chị có từ trước khi kết hôn với anh Nguyễn Đức T nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Nguyễn Đức T đến để giải quyết việc chị Quan Thị L đề nghị ly hôn nhưng anh T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn NP, xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ. Theo lời khai của chị Nguyễn Thu A (chị gái ruột anh Nguyễn Đức T) thì anh T, chị L có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới thì vợ chồng anh T, chị L sống chung cùng gia đình nhà chị tại thôn NP, xã MQ, huyện CH được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra chị L về nhà ngoại tại xã PS, huyện CH sinh sống được một thời gian thì quay lại chung sống cùng anh T nhưng mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Chị L, anh T sống ly thân được khoảng hơn một năm nay. Anh T đi làm ăn xa chỉ về nhà vào ngày nghỉ, Lễ, Tết, anh T không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc nên gia đình không biết địa chỉ mới của anh T ở đâu. Sau khi nhận các văn bản, thông báo của Tòa án chị A đã báo cho anh T biết việc chị L xin ly hôn và thời gian báo đến Tòa án để làm việc nhưng anh T bận công việc nên không về Tòa án giải quyết được. Anh T có ý kiến nhất trí ly hôn với chị L và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của chị Quan Thị L: Xử cho chị Quan Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Không có do vậy không xem xét.

- Về tài sản, đất đai và công nợ chung chị Quan Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Quan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Quan Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Đức T; Anh Nguyễn Đức T có hộ khẩu thường trú tại thôn NP, xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Nguyễn Đức T có hộ khẩu thường trú tại thôn NP, xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ. Anh T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh T đã thông báo cho anh T nhưng anh T vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Đức T vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Quan Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quan Thị L và anh Nguyễn Đức T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2017 tại UBND xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 5 năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh T trở nên trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát và đã ly thân từ tháng 5 năm 2018. HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị L, anh T thực tế

đã không tồn tại từ tháng 5 năm 2018 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị L, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quan Thị L là xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

[2.2] Về con chung: Chị Quan Thị L và anh Nguyễn Đức T không có con chung nên HĐXX không xem xét.

Đối với quan điểm của chị L xác định cháu Quan Nhật BN là con riêng của chị và không đề nghị giải quyết, HĐXX thấy rằng: Cháu Quan Nhật BN, sinh ngày 18/10/2015, chị Quan Thị L và anh Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2017, như vậy cháu N được sinh ra trước khi chị L và anh T phát sinh quan hệ vợ chồng (trước thời kỳ hôn nhân). Mặt khác, tại Trích lục khai sinh số 256/TLKS-PS ngày 14/6/2019 của UBND xã PS chỉ thể hiện họ, chữ đệm, tên người mẹ là "QUAN THỊ L", phần họ, chữ đệm, tên người cha để trống. Quá trình xác minh tại xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ cũng cho thấy, không có trường hợp nào làm thủ tục đăng ký khai sinh tại xã có thành phần bố, mẹ là "NGUYỄN ĐỨC T" và "QUAN THỊ L". Do vậy, quan điểm của chị L xác định cháu N là con riêng của chị là có căn cứ nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Quan Thị L không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Quan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của chị Quan Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quan Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đức T. Quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Quan Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0001810,

ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Nguyễn Đức T không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Quan Thị L, anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Bùi Mạnh Hùng - Phạm Anh Tuấn	**Phạm Thị Thùy Trâm**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND TTVL, huyện CH, tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm